Phụ lục I

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

(Kèm theo Quyết định số 2273 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Cơ quan, đơn vị đang công tác *(thời điểm đề nghị thanh toán)*	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời điểm được cử đi học			Hình thức cử đi đào tạo, bồi dưỡng	Ngày cấp bằng tốt nghiệp	Nội dung hỗ trợ, khuyến khích *(tính tại thời điểm tốt nghiệp)*						Tổng kinh phí thanh toán	Ghi chú
							Đơn vị công tác	Năm	Xã khu vực			Hỗ trợ		Khuyến khích			Thành tiền		
												Số lần	Mức lương cơ bản	Số lần	Mức lương cơ bản	Nữ giới cộng thêm 10%			
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TỔNG CỘNG															**1.579.290.000,0**	**1.579.290.000,0**	
	A	**KHUYẾN KHÍCH ĐÀO TẠO (13 trường hợp)**															**861.700.000**	**861.700.000**	
	I	**BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY (01)**																	
1	1	Mông Văn Hiệp	18/11/1982	Nam	Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ	Thạc sĩ - Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ	2020		Hệ tập trung trong Kế hoạch năm 2020	30/8/2023			40	1.800.000		72.000.000	**72.000.000**	
	II	**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (01)**																	
2	1	Hoàng Việt Bình	30/10/1988	Nam	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sĩ - Lý luận Âm nhạc dân tộc	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2018		Hệ tập trung trong Kế hoạch năm 2018	22/6/2023			40	1.490.000		59.600.000	**59.600.000**	
	III	**SỞ Y TẾ (02)**																	
3	1	Trần Thị Ngọc Mai	28/02/1991	Nữ	Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Bệnh viện Phục hồi chức năng	Thạc sĩ, Quản lý công	Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Bệnh viện Phục hồi chức năng	2020		Tập trung, trong kế hoạch	21/4/2023			40	1.490.000	149.000	65.560.000	**65.560.000**	
4	2	Hoàng Ngọc Huân	08/12/1989	Nam	Giảng viên bộ môn Sức khỏe sinh sản, Trường Cao đẳng y tế Lạng Sơn	Thạc sĩ, Nhi khoa	Giảng viên bộ môn Sức khỏe sinh sản, Trường Cao đẳng y tế Lạng Sơn	2020		Tập trung, trong kế hoạch	03/04/2023			40	1.490.000		59.600.000	**59.600.000**	
	IV	**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (09)**																	
5	1	Trần Công Lãm	15/08/1982	Nam	Giáo viên, Trường THPT DTNT tỉnh	Thạc sĩ, Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Giáo viên, trường THPT DTNT Tỉnh	2020		Hệ tập trung	05/12/2022			40	1.490.000		59.600.000	**59.600.000**	
6	2	Nguyễn Thị Hồng Vân	26/02/1988	Nữ	Giáo viên, Trường THPT Chuyên Chu Văn An	Thạc sĩ, chuyên ngành Lý luận văn học	Giáo viên, trường THPT Chuyên Chu Văn An	2020		Hệ tập trung	05/12/2022			40	1.490.000	149.000	65.560.000	**65.560.000**	

Số TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Cơ quan, đơn vị đang công tác *(thời điểm đề nghị thanh toán)*	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời điểm được cử đi học			Hình thức cử đi đào tạo, bồi dưỡng	Ngày cấp bằng tốt nghiệp	Nội dung hỗ trợ, khuyến khích *(tính tại thời điểm tốt nghiệp)*						Tổng kinh phí thanh toán	Ghi chú
							Đơn vị công tác	Năm	Xã khu vực			Hỗ trợ		Khuyến khích			Thành tiền		
												Số lần	Mức lương cơ bản	Số lần	Mức lương cơ bản	Nữ giới cộng thêm 10%			
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
7	3	Nguyễn Bích Huệ	13/04/1981	Nữ	Giáo viên, Trung tâm GDTX, TH&NN	Thạc sĩ, Phương pháp Toán sơ cấp	Giáo viên, Trung tâm GDTX, TH&NN	2020		Hệ tập trung	06/02/2023			40	1.490.000	149.000	65.560.000	**65.560.000**	
8	4	Đào Duy Huy	06/11/1985	Nam	Giáo viên, Trường THPT Na Dương	Thạc sĩ, Phương pháp Toán sơ cấp	Giáo viên Toán, Trường THPT Na Dương	2020		Hệ tập trung	06/02/2023			40	1.490.000		59.600.000	**59.600.000**	
9	5	Lý Xuân Sơn	19/09/1986	Nam	Giáo viên, trường THPT Na Dương	Thạc sĩ, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hoá học	Giáo viên, trường THPT Na Dương	2019		Hệ tập trung	23/12/2022			40	1.490.000		59.600.000	**59.600.000**	
10	6	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	13/06/1987	Nữ	Giáo viên, Trường THPT Chi Lăng	Thạc sĩ, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	Giáo viên, Trường THPT Chi Lăng	2020		Tập trung, trong kế hoạch	05/12/2022			40	1.490.000	149.000	65.560.000	**65.560.000**	
11	7	Đặng Thị Thủy	21/9/1988	Nữ	Giảng viên, Trường Cao Đẳng Sư Phạm Lạng Sơn	Tiến sĩ, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Giảng viên, Trường Cao Đẳng Sư Phạn Lạng Sơn	2015		Hệ tập trung	12/01/2023			60	1.490.000	149.000	98.340.000	**98.340.000**	
12	8	Tô Lan Anh	26/11/1990	Nữ	Giảng viên, Trường Cao Đẳng Sư Phạn Lạng Sơn	Thạc sĩ, Sư phạm Tiếng Anh	Giảng viên, Trường Cao Đẳng Sư Phạn Lạng Sơn	2019		Hệ tập trung	05/01/2023			40	1.490.000	149.000	65.560.000	**65.560.000**	
13	9	Phạm Hải Ly	03/03/1984	Nữ	Giáo viên, trường THPT Việt Bắc	Thạc sĩ, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt	Giáo viên, Trường THPT Việt Bắc	2020		Hệ tập trung	20/09/2022			40	1.490.000	149.000	65.560.000	**65.560.000**	
	B	**HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG (91 trường hợp)**															**717.590.000**	**717.590.000**	
	I	**HUYỆN HỮU LŨNG (05)**																	
14	1	Trần Thị Chiến	20-10-1982	Nữ	Xã Đồng Tiến	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Đồng Tiến	2021	II	Hệ không tập trung	15/5/2023	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
15	2	Trương Minh Yến	06-08-1990	Nữ	Xã Đồng Tiến	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Đồng Tiến	2021	II	Hệ không tập trung	15/5/2023	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
16	3	Mạc Thiên Quốc	06/5/1985	Nam	Xã Thanh Sơn	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Thanh Sơn	2021	II	Hệ không tập trung	15/5/2023	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
17	4	Hoàng Thị Mơ	08/4/1984	Nữ	Xã Hòa Bình	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hòa Bình	2021	III	Hệ không tập trung	15/5/2023	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	

Số TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Cơ quan, đơn vị đang công tác *(thời điểm đề nghị thanh toán)*	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời điểm được cử đi học			Hình thức cử đi đào tạo, bồi dưỡng	Ngày cấp bằng tốt nghiệp	Nội dung hỗ trợ, khuyến khích *(tính tại thời điểm tốt nghiệp)*						Tổng kinh phí thanh toán	Ghi chú
							Đơn vị công tác	Năm	Xã khu vực			Hỗ trợ		Khuyến khích			Thành tiền		
												Số lần	Mức lương cơ bản	Số lần	Mức lương cơ bản	Nữ giới cộng thêm 10%			
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
18	5	Vũ Ngọc Tuấn	18/01/1984	Nam	Xã Quyết Thắng	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Quyết Thắng	2021	III	Hệ không tập trung	15/5/2023	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
	II	**HUYỆN TRÀNG ĐỊNH (03)**																	
19	1	Hoàng Văn Huân	19/01/1989	Nam	Thị Trấn Thất Khê	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Đào Viên	2021	III	Hệ tập trung	07/6/2022	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
20	2	Nguyễn Văn Lực	26/01/1973	Nam	Xã Kháng Chiến	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Kháng Chiến	2013	II	Tại chức	26/6/2015	5	1.150.000				5.750.000	**5.750.000**	
21	3	Triệu Tiến Thọ	24/5/1990	Nam	Xã Tri Phương	Đại học - Quân sự cơ sở	Xã Bắc ái (nay là xã Đề Thám	2016	II	Xét cử tuyển	28/6/2021	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
	III	**HUYỆN VĂN QUAN (12)**																	
22	1	Hoàng Văn Hiếu	11-11-1976	Nam	Xã Trấn Ninh	Đại học Quân sự cơ sở	Xã Trấn Ninh	2021	III	Liên thông từ cao đẳng lên Đại học	11/7/2023	3	1.800.000				5.400.000	**5.400.000**	
23	2	Phùng Văn Căn	6/8/1983	Nam	Xã Khánh Khê	Đại học Quân sự cơ sở	Xã Khánh Khê	2021	III	Liên thông từ cao đẳng lên Đại học	11/7/2023	3	1.800.000				5.400.000	**5.400.000**	
24	3	Đinh Văn Khôi	19/6/1982	Nam	Xã Khánh Khê	Trung cấp lý luận chính trị	Xã Khánh Khê	2021	III	Hệ không tập trung	08/11/2022	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
25	4	Chu Thị Huệ	24/7/1990	Nữ	Xã Khánh Khê	Trung cấp lý luận chính trị	Xã Khánh Khê	2021	III	Hệ không tập trung	08/11/2022	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
26	5	Đường Thu Diệu	25/10/1997	Nữ	Xã Lương Năng	Trung cấp lý luận chính trị	Xã Lương Năng	2022	III	Hệ tập trung	24/3/2023	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
27	6	Bế Trường Giang	12/8/1994	Nam	Xã Liên Hội	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Liên Hội	2021	III	Hệ tập trung	16/12/2021	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
28	7	Nông Thị Hoài	27/12/1983	Nữ	Xã Tràng Phái	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Tràng Phái	2015	II	Hệ chính quy tập trung	08/4/2016	5	1.150.000				5.750.000	**5.750.000**	
29	8	Triệu Thị Luyến	30/10/1980	Nữ	Xã Tràng Phái	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Tràng Phái	2017	II	Hệ tập trung	29/3/2018	5	1.300.000				6.500.000	**6.500.000**	
30	9	Nông Thị Mỹ Ngọc	13/12/1993	Nữ	Xã Điềm He	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Điềm He	2020	II	Hệ không tập trung	21/01/2020	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	

Số TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Cơ quan, đơn vị đang công tác *(thời điểm để nghị thanh toán)*	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời điểm được cử đi học			Hình thức cử đi đào tạo, bồi dưỡng	Ngày cấp bằng tốt nghiệp	Nội dung hỗ trợ, khuyến khích *(tính tại thời điểm tốt nghiệp)*						Tổng kinh phí thanh toán	Ghi chú
							Đơn vị công tác	Năm	Xã khu vực			Hỗ trợ		Khuyến khích			Thành tiền		
												Số lần	Mức lương cơ bản	Số lần	Mức lương cơ bản	Nữ giới cộng thêm 10%			
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
31	10	Triệu Văn Công	26/8/1979	Nam	Xã Bình Phúc	Trung cấp Lý luận Chính trị -Hành chính	Xã Bình Phúc	2021	III	Lý luận chính trị	15/5/2023	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
32	11	Triệu Hoàng Lan	21/10/1993	Nữ	Xã Đồng Giáp	Trung cấp lý luận chính trị	Xã Đồng Giáp	2022	III	Hệ tập trung	24/3/2023	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
33	12	Hoàng Văn Diệp	02/6/1986	Nam	Xã An Sơn	Trung cấp lý luận chính trị	Xã An Sơn	2021	III	Hệ không tập trung	08/11/2022	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
	IV	**HUYỆN BÌNH GIA (16)**																	
34	1	Trịnh Văn Quý	11/01/1982	Nam	Xã Tân Hòa	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Tân Hòa	2018	III	Hệ không tập trung	19/8/2019	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
35	2	Đặng Văn Hồng	24/9/1981	Nam	Xã Tân Hòa	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Tân Hòa	2018	III	Hệ không tập trung	19/8/2019	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
36	3	Nguyễn Văn Tăng	11/9/1995	Nam	Xã Hoa Thám	Đại học Quân sự cơ sở	Xã Hoa Thám	2014	III	Chính quy	10/7/2019	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
37	4	Hoàng Văn Tùng	02/5/1986	Nam	Xã Thiện Thuật	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Thiện Thuật	2018	III	Hệ không tập trung	19/8/2019	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
38	5	Hoàng Văn Lùng	25/01/1995	Nam	Xã Hồng Phong	Trung cấp Quân sự cơ sở	Xã Hồng Phong	2018	III	Tập trung	10/10/2019	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
39	6	Lăng Thị Hằng	23/9/1993	Nữ	Xã Hồng Phong	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hồng Phong	2019	III	Hệ không tập trung	16/10/2020	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
40	7	Hoàng Văn Dương	28/8/1990	Nam	Xã Hồng Phong	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hồng Phong	2018	III	Hệ không tập trung	19/8/2019	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
41	8	Nông Thị Hằng	28/5/1990	Nữ	Xã Hồng Phong	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hồng Phong	2018	III	Hệ không tập trung	16/11/2019	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
42	9	Hoàng Thị Bến	24/11/1969	Nữ	Xã Hưng Đạo	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hưng Đạo	2017	III	Hệ không tập trung	24/10/2018	5	1.390.000				6.950.000	**6.950.000**	
43	10	Nông Văn Tú	04/02/1985	Nam	Xã Hưng Đạo	Đại học Công tác xã hội	Xã Hưng Đạo	2018	III	Liên thông từ trung cấp lên Đại học	23/12/2020	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
44	11	Lâm Thị Ánh Tuệ	19/9/1987	Nữ	Xã Hưng Đạo	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hưng Đạo	2021	III	Hệ không tập trung	21/6/2022	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
45	12	Hoàng Văn Năm	29/5/1991	Nam	Xã Hưng Đạo	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hưng Đạo	2020	III	Hệ tập trung	25/12/2020	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	

Số TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Cơ quan, đơn vị đang công tác *(thời điểm để nghị thanh toán)*	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời điểm được cử đi học			Hình thức cử đi đào tạo, bồi dưỡng	Ngày cấp bằng tốt nghiệp	Nội dung hỗ trợ, khuyến khích *(tính tại thời điểm tốt nghiệp)*						Tổng kinh phí thanh toán	Ghi chú
							Đơn vị công tác	Năm	Xã khu vực			Hỗ trợ		Khuyến khích			Thành tiền		
												Số lần	Mức lương cơ bản	Số lần	Mức lương cơ bản	Nữ giới cộng thêm 10%			
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
46	13	Hoàng Công Vũ	19/8/1986	Nam	Xã Hưng Đạo	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hưng Đạo	2016	III	Hệ không tập trung	25/12/2017	5	1.300.000				6.500.000	**6.500.000**	
47	14	Hoàng Văn Vĩnh	19/8/1983	Nam	Xã Hưng Đạo	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hưng Đạo	2013	III	Tại chức	22/10/2015	5	1.150.000				5.750.000	**5.750.000**	
48						Đại học Luật	Xã Hưng Đạo	2013	III	Đào tạo từ xa (từ Trung cấp lên Đại học)	16/01/2017	6	1.210.000				7.260.000	**7.260.000**	
49	15	Hoàng Văn Thoát	18/5/1981	Nam	Xã Hưng Đạo	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hưng Đạo	2017	III	Hệ không tập trung	24/10/2018	5	1.390.000				6.950.000	**6.950.000**	
50	16	Hoàng Văn Tuân	24/02/1980	Nam	Xã Hưng Đạo	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Hưng Đạo	2013	III	Tại chức	22/10/2015	5	1.150.000				5.750.000	**5.750.000**	
51						Đại học Quản lý nhà nước	Xã Hưng Đạo	2019	III	Vừa làm vừa học (từ Trung cấp lên Đại học)	06/4/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
	V	**HUYỆN LỘC BÌNH (12)**																	
52	1	Nông Văn Quyền	23/01/1989	Nam	Xã Khuất Xá	Trung cấp lý luận chính trị	Xã Khuất Xá	2017	II	Trung cấp lý luận chính trị, Hệ không tập trung	09/11/2018	5	1.390.000				6.950.000	**6.950.000**	
53	2	Hoàng Văn Quyết	14/5/1982	Nam	Xã Nam Quan	Đại học Luật Kinh tế	Xã Nam Quan	2017	III	Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học	22/11/2019	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
54	3	Vi Văn Com	16/11/1984	Nam	Xã Lợi Bác	Đại học Luật Kinh tế	Xã Lợi Bác	2017	III	Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học	22/11/2019	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
55	4	La Văn Dương	17/04/1970	Nam	Xã Thống Nhất	Đại học, Quản lý đất đai	Xã Thống Nhất	2020	III	Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học	12/09/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
56	5	Nông Thị Thoa	21/03/1990	Nữ	Xã Thống Nhất	Đại học, Luật Kinh tế	Xã Thống Nhất	2021	III	Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học	03/07/2023	3	1.800.000				5.400.000	**5.400.000**	
57	6	Hoàng Tiến Phúc	20/01/1974	Nam	Xã Mẫu Sơn	Đại học, Luật Kinh tế	Xã Mẫu Sơn	2017	III	Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học	22/11/2019	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
58	7	Dương Thị Minh	18/09/1969	Nữ	Xã Mẫu Sơn	Trung cấp quản lý và kinh doanh nông nghiệp	Xã Mẫu Sơn	2013	III	Đào tạo trình độ Trung cấp	22/10/2015	5	1.150.000				5.750.000	**5.750.000**	
59	8	Dương Trồng Mình	21/12/1981	Nam	Xã Mẫu Sơn	Đại học, Luật Kinh tế	Xã Mẫu Sơn	2017	III	Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học	22/11/2019	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	

Số TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Cơ quan, đơn vị đang công tác *(thời điểm đề nghị thanh toán)*	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời điểm được cử đi học			Hình thức cử đi đào tạo, bồi dưỡng	Ngày cấp bằng tốt nghiệp	Nội dung hỗ trợ, khuyến khích *(tính tại thời điểm tốt nghiệp)*						Tổng kinh phí thanh toán	Ghi chú
							Đơn vị công tác	Năm	Xã khu vực			Hỗ trợ		Khuyến khích			Thành tiền		
												Số lần	Mức lương cơ bản	Số lần	Mức lương cơ bản	Nữ giới cộng thêm 10%			
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
60	9	Nguyễn Văn Hảo	14/07/1986	Nam	Xã Hữu Lân	Đại học, Quản lý nhà nước	Xã Hữu Lân	2016	III	Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học	10/8/2020	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
61	10	Sầm Văn Huy	16/11/1983	Nam	Xã Nam Quan	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Nam Quan	2019	III	Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học	23/3/2023	3	1.490.000				4.470.000	**4.470.000**	
62	11	Hứa Thị Nhất	05/08/1988	Nữ	Xã Nam Quan	Đại học ngành Văn Học	Xã Nam Quan	2015	III	Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học	30/8/2016	3	1.210.000				3.630.000	**3.630.000**	
63	12	Ma Thị Hoàn	20/05/1986	Nữ	Xã Hữu Lân	Đại học, Quản lý nhà nước	Xã Hữu Lân	2019	III	Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học	23/3/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
	VI	**HUYỆN CAO LỘC (03)**																	
64	1	Vương Mạnh Hùng	08/12/1979	Nam	Xã Hợp Thành	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Song Giáp	2014	II	Hệ tại chức	14/01/2016	5	1.150.000				5.750.000	**5.750.000**	
65	2	Lộc Văn Phú	10/9/1972	Nam	Xã Lộc Yên	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Lộc Yên	2014	III	Hệ tại chức	14/01/2016	5	1.150.000				5.750.000	**5.750.000**	
66	3	Nông Văn Tiệp	02/12/1991	Nam	Xã Bảo Lâm	Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính	Xã Bảo Lâm	2017	II	Hệ không tập trung	20/11/2018	5	1.390.000				6.950.000	**6.950.000**	
	VII	**HUYỆN BẮC SƠN (13)**																	
67	1	Dương Công Định	09/12/1981	Nam	Xã Tân Hương	Đại học Quân sự cơ sở	Xã Tân Hương	2021	III	Liên thông từ cao đẳng lên đại học	11/7/2023	3	1.800.000				5.400.000	**5.400.000**	
68	2	Đặng Văn Hội	05/7/1970	Nam	Xã Vũ Lăng	Đại học, Luật Kinh tế	Xã Vũ Lăng	2020	II	Liên thông từ trung cấp lên đại học	17/7/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
69	3	Đinh Dương Thảo	29/9/1968	Nam	Xã Vũ Lăng	Đại học, Luật Kinh tế	Xã Vũ Lăng	2020	II	Liên thông từ trung cấp lên đại học	03/7/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
70	4	Hoàng Công Thiện	06/3/1968	Nam	Xã Long Đống	Đại học, Luật Kinh tế	Xã Long Đống	2020	II	Liên thông từ trung cấp lên đại học	17/7/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
71	5	Dương Công Long	15/11/1973	Nam	Xã Long Đống	Đại học, Luật Kinh tế	Xã Long Đống	2020	II	Liên thông từ trung cấp lên đại học	03/7/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
72	6	Dương Hữu Đảng	05/8/1972	Nam	Xã Chiêu Vũ	Đại học, Luật Kinh tế	Xã Chiêu Vũ	2020	III	Liên thông từ trung cấp lên đại học	03/7/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
73	7	Lộc Văn Yên	07/5/1984	Nam	Xã Vũ Sơn	Trung cấp lý luận chính trị	Xã Tân Tri	2021	III	Hệ không tập trung	12/12/2022	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	

Số TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Cơ quan, đơn vị đang công tác *(thời điểm để nghị thanh toán)*	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời điểm được cử đi học			Hình thức cử đi đào tạo, bồi dưỡng	Ngày cấp bằng tốt nghiệp	Nội dung hỗ trợ, khuyến khích *(tính tại thời điểm tốt nghiệp)*						Tổng kinh phí thanh toán	Ghi chú
							Đơn vị công tác	Năm	Xã khu vực			Hỗ trợ		Khuyến khích			Thành tiền		
												Số lần	Mức lương cơ bản	Số lần	Mức lương cơ bản	Nữ giới cộng thêm 10%			
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
74	8	Hà Thu Phương	20/8/1995	Nữ	Xã Vũ Lễ	Đại học, Quản lý văn hóa	Xã Vũ Lễ	2020	II	Liên thông từ trung cấp lên đại học	24/8/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
75	9	Dương Hữu Ngọc	18/10/1970	Nam	Xã Vũ Lễ	Đại học, Quản lý đất đai	Xã Tân Thành	2020	III	Liên thông từ trung cấp lên đại học	12/9/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
76	10	Dương Trung Kiên	01/12/1974	Nam	Xã Trấn Yên	Đại học, Quản lý đất đai	Xã Hưng Vũ	2020	II	Liên thông từ trung cấp lên đại học	12/9/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
77	11	Đồng Văn Hưng	03/4/1973	Nam	Xã Chiến Thắng	Đại học, Quản lý văn hóa	Xã Chiến Thắng	2020	II	Liên thông từ trung cấp lên đại học	24/8/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
78	12	Nguyễn Văn Nhang	22/10/1970	Nam	Xã Nhất Hòa	Đại học, Quản lý đất đai	Xã Vũ Lăng	2020	II	Liên thông từ trung cấp lên đại học	12/9/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
79	13	Dương Hồng Thắng	17/8/1973	Nữ	Xã Tân Thành	Đại học, Quản lý văn hóa	Xã Tân Thành	2020	III	Liên thông từ trung cấp lên đại học	24/8/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
	VIII	**HUYỆN VĂN LÃNG (22)**																	
80	1	Mông Thị Lụa	04/9/1986	Nữ	Xã Thụy Hùng	Trung cấp Lý luận - Hành chính	Xã Thụy Hùng	2021	III	Hệ không tập trung	02/12/2022	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
81	2	Lăng Thị Đào	16/8/1985	Nữ	Xã Thụy Hùng	Trung cấp Lý luận - Hành chính	Xã Thụy Hùng	2018	III	Hệ không tập trung	29/8/2019	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
82	3	Lương Thị Hiền	25/01/1991	Nữ	Xã Thụy Hùng	Trung cấp Lý luận - Hành chính	Xã Thụy Hùng	2018	III	Hệ không tập trung	29/8/2019	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
83	4	Lương Thanh Hoa	24/12/1984	Nữ	Xã Thụy Hùng	Trung cấp Lý luận - Hành chính	Xã Hoàng Văn Thụ	2019	II	Hệ không tập trung	04/12/2020	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
84	5	Lương Thành Công	06/7/1998	Nam	Xã Thụy Hùng	Cao đẳng Quân sự cơ sở	Xã Thụy Hùng	2021	III	Liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng	11/7/2023	5	1.800.000				9.000.000	**9.000.000**	
85	6	Lương Thị Hạnh	14/7/1987	Nữ	Xã Trùng Khánh	Trung cấp Lý luận - Hành chính	Xã Trùng Khánh	2019	III	Hệ không tập trung	04/12/2020	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
86	7	Nông Văn Toản	04/11/1983	Nam	Xã Trùng Khánh	Trung cấp Lý luận - Hành chính	Xã Trùng Khánh	2018	III	Hệ không tập trung	29/8/2019	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
87	8	Nông Thị Diễn	25/02/1987	Nữ	Xã Hoàng Văn Thụ	Trung cấp Lý luận - Hành chính	Xã Hoàng Văn Thụ	2019	II	Hệ không tập trung	12/4/2020	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	
88	9	Hoàng Thị Cúc	05/9/1987	Nữ	Xã Bắc La	Đại học Luật Kinh tế	Xã Bắc La	2020	III	Liên thông từ trung cấp lên đại học	03/7/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	

Số TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Cơ quan, đơn vị đang công tác *(thời điểm đề nghị thanh toán)*	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời điểm được cử đi học			Hình thức cử đi đào tạo, bồi dưỡng	Ngày cấp bằng tốt nghiệp	Nội dung hỗ trợ, khuyến khích *(tính tại thời điểm tốt nghiệp)*						Tổng kinh phí thanh toán	Ghi chú
							Đơn vị công tác	Năm	Xã khu vực			Hỗ trợ		Khuyến khích			Thành tiền		
												Số lần	Mức lương cơ bản	Số lần	Mức lương cơ bản	Nữ giới cộng thêm 10%			
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
89	10	Hoàng Thị Duyến	04/12/1992	Nữ	Xã Thanh Long	Đại học Quản trị văn phòng	Xã Thanh Long	2020	III	Liên thông từ cao đẳng lên Đại học	20/7/2023	3	1.800.000				5.400.000	**5.400.000**	
90	11	Hoàng Thị Duyên	10/01/1983	Nữ	Xã Thanh Long	Đại học Quản lý đất đai	Xã Thanh Long	2020	III	Liên thông từ trung cấp lên Đại học	12/9/2023	6	1.800.000				10.800.000	**10.800.000**	
91	12	Hoàng Văn Đạt	12/6/1978	Nam	Xã Hoàng Văn Thụ	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Hoàng Văn Thụ	2019	II	Vừa làm vừa học (từ Trung cấp lên Đại học)	06/4/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
92	13	Nông Văn Nguyễn	12/01/1975	Nam	Xã Hoàng Văn Thụ	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Hoàng Văn Thụ	2019	II	Vừa làm vừa học (từ Trung cấp lên Đại học)	06/4/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
93	14	Hoàng Long Thiên	23/7/1991	Nam	Xã Hồng Thái	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Hồng Thái	2019	III	Vừa làm vừa học (từ Trung cấp lên Đại học)	16/5/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
94	15	Hà Chí Nguyện	12/5/1977	Nam	Xã Tân Tác	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Tân Tác	2019	III	Vừa làm vừa học (từ Trung cấp lên Đại học)	06/4/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
95	16	Vy Văn Quyết	07/8/1980	Nam	Xã Tân Tác	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Bắc La	2019	III	Vừa làm vừa học (từ Trung cấp lên Đại học)	06/4/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
96	17	Hà Văn Hoàng	01/01/1984	Nam	Xã Tân Tác	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Tân Tác	2019	III	Vừa làm vừa học (từ Trung cấp lên Đại học)	06/4/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
97	18	Lộc Văn Khánh	25/5/1989	Nam	Xã Tân Tác	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Tân Tác	2019	III	Vừa làm vừa học (từ Trung cấp lên Đại học)	06/4/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
98	19	Triệu Lý Hòa	27/8/1976	Nam	Xã Bắc Việt	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Tân Việt	2019	III	Vừa làm vừa học (từ Cao đẳng lên Đại học)	06/4/2023	3	1.490.000				4.470.000	**4.470.000**	
99	20	Phùng Văn Tuấn	23/11/1987	Nam	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Đại học Quản lý đất đai	Xã Hội Hoan	2016	III	Liên thông từ trung cấp lên Đại học	19/12/2018	6	1.390.000				8.340.000	**8.340.000**	
100	21	Lương Thị Tuyền	19/4/1991	Nữ	Xã Hội Hoan	Trung cấp Lý luận - Hành chính	Xã Hội Hoan	2018	III	Hệ không tập trung	29/8/2019	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
101	22	Hoàng Thị Liên	07/7/1987	Nữ	Xã Hội Hoan	Đại học Quản lý nhà nước	Xã Nam La	2019	III	Vừa làm vừa học (từ Trung cấp lên Đại học)	06/4/2023	6	1.490.000				8.940.000	**8.940.000**	
	IX	**HUYỆN CHI LĂNG (01)**																	
102	1	Lộc Văn Chinh	20/5/1996	Nam	Xã Lâm Sơn	Cao đẳng Quân sự cơ sở	Xã Lâm Sơn	2021	III	Liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng	11/7/2023	5	1.800.000				9.000.000	**9.000.000**	

Số TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Cơ quan, đơn vị đang công tác *(thời điểm đề nghị thanh toán)*	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời điểm được cử đi học			Hình thức cử đi đào tạo, bồi dưỡng	Ngày cấp bằng tốt nghiệp	Nội dung hỗ trợ, khuyến khích *(tính tại thời điểm tốt nghiệp)*						Tổng kinh phí thanh toán	Ghi chú
							Đơn vị công tác	Năm	Xã khu vực			Hỗ trợ		Khuyến khích			Thành tiền		
												Số lần	Mức lương cơ bản	Số lần	Mức lương cơ bản	Nữ giới cộng thêm 10%			
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	X	**HUYỆN ĐÌNH LẬP (02)**																	
103	1	Đàm Thị Liên	06/7/1993	Nữ	Xã Đồng Thắng	Đại học Luật kinh tế	Xã Đồng Thắng	2021	III	Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học	03/7/2023	3	1.800.000				5.400.000	**5.400.000**	
104	2	Mã Văn Hùng	10/02/1995	Nam	Xã Đồng Thắng	Trung cấp Quân sự cơ sở	Xã Đồng Thắng	2021	III	Chính quy	22/02/2023	5	1.490.000				7.450.000	**7.450.000**	

(Danh sách: 102 người)

Phụ lục II

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THANH TOÁN CHÍNH SÁCH THU HÚT NGƯỜI CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CAO VỀ CÔNG TÁC TẠI TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 2273 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan, đơn vị công tác	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Ngày tuyển dụng	Mức thanh toán			Thành tiền	Tổng kinh phí đề nghị thanh toán	Ghi chú
								Số lần	Mức lương cơ sở/ mức thanh toán	Nữ giới cộng thêm 10%			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	TỔNG CỘNG										**238.400.000**	**238.400.000**	
I	**SỞ Y TẾ (04)**												
	Hưởng chính sách thu hút theo Nghị quyết số 111/2013/NQ-HĐND												
1	Nghiêm Trường Minh	19/05/1994	Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn	Bác sĩ	Y đa khoa	Chính quy	01/04/2020	30	1.490.000		44.700.000	**44.700.000**	
2	Dương Thị Nhu	18/12/1993	Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn	Bác sĩ	Y đa khoa	Chính quy	01/04/2020	30	1.490.000		44.700.000	**44.700.000**	
3	Trần Thị Thảo	04/05/1993	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình	Bác sĩ	Y đa khoa	Chính quy	20/03/2018	30	1.300.000		39.000.000	**39.000.000**	
	Hưởng chính sách thu hút theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND												
4	Tàng Thị Dung	22/11/1997	Trạm y tế xã Đông Quan, Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình	Bác sĩ	Y học cổ truyền	Chính quy	01/04/2023	1	100.000.000	10.000.000	110.000.000	**110.000.000**	

Danh sách gồm : 04 người.